

R

BỘ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO KHOA HỌC

**TỔ CHỨC ĐÀO TẠO CÁN BỘ,
NHÂN VIÊN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CỤM XÃ
MIỀN NÚI PHÍA BẮC
ĐẾN 2010**

ĐỀ TÀI CẤP BỘ, MÃ SỐ: 2000-78-008

Chủ nhiệm đề tài: *TS. Nguyễn Quốc Tiến*

Thái Nguyên, 2001

6633

6/1/10

BỘ THƯƠNG MẠI

**TỔ CHỨC ĐÀO TẠO CÁN BỘ,
NHÂN VIÊN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CỤM XÃ
MIỀN NÚI PHÍA BẮC
ĐẾN 2010**

ĐỀ TÀI CẤP BỘ, MÃ SỐ : 2000-78-008

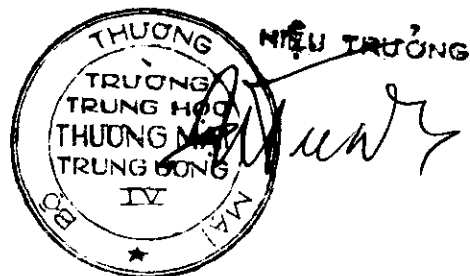
Chủ nhiệm đề tài : *TS. Nguyễn Quốc Tiến*

CƠ QUAN QUẢN LÝ



BÙI HỮU ĐẠO

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
TRƯỜNG TH THƯƠNG MẠI TW.IV



Nguyễn Văn Chuẩn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG SỐ
Mở đầu	
Chương I : Những cơ sở của việc tổ chức đào tạo cán bộ nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại xã miền núi vùng cao phía Bắc. 1- Những đặc điểm miền núi và dân tộc thiểu số chi phối công tác cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ ở khu vực miền núi phía Bắc .	3
2- Nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên cho các Trung tâm thương mại cụm xã ở khu vực 10 tỉnh miền núi phía Bắc	8
3- Sự cần thiết phải đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX miền núi, vùng cao phía Bắc	13
Chương II : Thực trạng việc tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX miền núi, vùng cao phía Bắc. 1. Thực trạng 2. Nguyên nhân tình hình	16 20
Chương III : Các giải pháp tổ chức đào tạo cán bộ nhân viên thương mại dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX miền núi, vùng cao phía Bắc 1. Yêu cầu đối với việc tổ chức đào tạo cán bộ nhân viên thương mại dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX 2. Các quan điểm cần có khi nghiên cứu việc tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX miền núi, vùng cao phía Bắc. 3. Các giải pháp tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại dịch vụ người địa phương cho các TTTMCX miền núi, vùng cao phía bắc	21 24 26
4. Các biện pháp tổ chức thực hiện	35
5. Một số kiến nghị	37
Kết luận	38
Phụ lục	40

MỞ ĐẦU

Đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương, nhất là người dân tộc thiểu số ở địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía bắc để họ yên tâm kinh doanh, phục vụ, gắn bó lâu dài với ngành trên chính quê hương mình là một việc làm cấp thiết, có ý nghĩa kinh tế - xã hội, chính trị lớn. Điều đó đã được thể hiện rõ qua nhiều văn bản chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước (Nghị quyết 22/NQ -TW của Bộ chính trị BCH TW Đảng khoá VI ra ngày 27-11-1989, Quyết định 72 - HĐBT của Hội đồng bộ trưởng, tức Chính phủ ra ngày 13-3-1990, chỉ thị 525-TTg của Thủ tướng chính phủ về các chủ trương biện pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Quyết định 35/TTg của Thủ tướng Chính phủ ra ngày 13-01-1997 về chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao và Nghị định 20/1998/NĐ-CP ngày 31-3-1998 của Chính Phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số). Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá xã hội ở miền núi, vùng cao phía bắc, do đặc điểm tâm lý người dân tộc thiểu số và nhiều nguyên nhân khác, việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương gắn với các trung tâm thương mại cụm xã miền núi vùng cao ở khu vực đang gặp nhiều khó khăn, ách tắc, nên chưa thực hiện được. Việc tổ chức đào tạo đối tượng này như thế nào cho có kết quả và hiệu quả đang là câu hỏi lớn đặt ra cho cơ sở đào tạo cũng như các cấp quản lý ở Trung ương và địa phương. Vì thế, chúng tôi nghiên cứu đề tài "*Tổ chức đào tạo cán bộ nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi phía bắc đến năm 2001*".

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là :

- Làm rõ cơ sở của việc tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc.

- Phân tích thực trạng việc tổ chức đào tạo đối tượng trên hiện nay và nguyên nhân của tình hình đó.

- Đề xuất các giải pháp tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc có cơ sở khoa học và thực tiễn, có tính khả thi để áp dụng trên thực tế.

Do điều kiện và thời gian có hạn, đề tài chỉ giới hạn nghiên cứu trong phạm vi tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ bậc trung học và dạy nghề, gắn với các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao trên địa bàn 10 Tỉnh miền núi phía Bắc thuộc khu vực trường TH thương mại TW.IV đào tạo bao gồm : Thái nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu.

Kết cấu báo cáo khoa học của đề tài, ngoài phần mở đầu và kết luận, được chia thành 3 chương :

- Những cơ sở của việc tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc.

- Thực trạng việc tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc.

- Các giải pháp tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc đến năm 2010.

Chương I

NHỮNG CƠ SỞ CỦA VIỆC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO CÁN BỘ, NHÂN VIÊN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI CỤM XÃ MIỀN NÚI, VÙNG CAO PHÍA BẮC.

1 - Những đặc điểm miền núi và dân tộc thiểu số chi phối công tác đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ ở khu vực miền núi phía Bắc.

1.1- Những đặc điểm về môi trường đào tạo ở khu vực .

Về điều kiện tự nhiên, kỹ thuật : Khu vực 10 Tỉnh miền núi phía Bắc thuộc địa bàn đào tạo của Trường TH thương mại TW.IV có diện tích rộng 84.204,5 km² dân số hơn 6 triệu người (Phụ lục 1), địa hình chia cắt, phức tạp, hiểm trở có nhiều núi cao, vực sâu, khí hậu khắc nghiệt. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng giao thông kém phát triển. Số liệu thống kê trước năm 1997 (Năm có quyết định 35/TTg của Thủ Tướng chính phủ về chương trình xây dựng Trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao) ở 5 Tỉnh miền núi phía Bắc là Cao Bằng, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai và Lạng Sơn cho thấy bình quân có 22,5% số xã không có đường ô tô vào và 27,3% số xã có đường ô tô đến, nhưng thường xuyên bị tắc nghẽn do sụt lở đất đá và nước lũ. Một số huyện điển hình như Bảo Lạc (Cao Bằng) có 24 xã thì 10 xã (chiếm 41,6%) không có đường ô tô vào và 6 xã (chiếm 25%) có đường nhưng thường xuyên tắc nghẽn; Huyện Văn Lãng (Lạng Sơn) có 13 xã, thì 8 xã (chiếm 61,5%) không có đường ô tô đến và 2 xã (chiếm 15,3%) có đường ô tô, nhưng thường bị tắc nghẽn⁽¹⁾. Từ khi có quyết định 35/TTg và chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa (1999) ... việc mở đường vào các xã miền núi, vùng cao trên địa bàn được chú trọng đẩy mạnh, có tình hình tốt như Hà Giang, nhưng nhìn chung do địa hình phức tạp,

nguồn lực có hạn, không dễ làm, nên tình hình giao thông ở khu vực vẫn còn nhiều khó khăn. Đến nay số xã chưa có đường xe ô tô đến ở một số địa phương còn chiếm tỷ lệ cao chẳng hạn như Lai Châu 23,4%⁽²⁾. Trong đó, huyện Sin Hồ còn 15/21 xã chiếm 71,4%⁽³⁾. Hơn thế, quãng đường từ các xã đến Huyện Lỵ, tỉnh lỵ khá xa. Cụ lý trung bình từ trung tâm cụm xã theo quy hoạch tính trên 9 tỉnh thuộc khu vực đến huyện lỵ là 30 km, đến tỉnh lỵ là 88 km (xem phụ lục 2), cá biệt có nơi như Leng Su Sin về đến Huyện lỵ Mường Tè 151 km, đến thị xã Lai Châu 251 km. Đường ô tô vừa ít, vừa xấu, qua nhiều đèo cao, suối sâu, vào mùa mưa thường bị tắc nghẽn, quãng đường về huyện, tỉnh lỵ xa... nên việc đi lại, chuyên chở hàng hoá rất khó khăn, ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh tế cũng như hoạt động đào tạo ở khu vực.

Cùng với tình trạng giao thông vận tải khó khăn, các cơ sở hạ tầng khác ở các tỉnh miền núi phía Bắc cũng rất yếu kém. Hiện nay, tính bình quân mới có khoảng 40% số xã có điện thắp sáng. Một số Tỉnh đạt tỷ lệ xã có điện thắp như Lai Châu 12%, Bắc Kạn 13%, Lào Cai 22%, cao Bằng 31%. Điện về tới xã, nhưng số hộ dùng điện còn rất thấp, mới đạt khoảng 10%⁽⁴⁾.

Thông tin liên lạc ở miền núi phía Bắc cũng gặp nhiều khó khăn do khoảng cách từ xã đến huyện, tỉnh lỵ quá xa và phương tiện thông tin (điện thoại) thiếu. Tỷ lệ số xã có liên lạc bằng điện thoại đạt thấp, chẳng hạn như Lào Cai 45%, Hà Giang 36%, Lai Châu 17%⁽⁵⁾. Tình trạng này cũng ảnh hưởng lớn tới hoạt động tổ chức đào tạo.

Về kinh tế : Hoạt động giáo dục, đào tạo phụ thuộc rất lớn vào điều kiện kinh tế của người đi học. Song 69% các trung tâm thương mại cụm xã ở khu vực 10 tỉnh miền núi phía Bắc thuộc vùng cao với điều kiện kinh tế rất

khó khăn. Tỉnh Lào Cai có 180 xã, thì có tới 120 xã (66,7%) là xã đặc biệt khó khăn⁽⁶⁾. Tỉnh Hà Giang có 128/191 xã (67%) thuộc diện này⁽⁷⁾. Còn tỉnh Cao Bằng con số đó là 106/189 xã, chiếm tỉ lệ 56,1% .Tỷ lệ hộ đói nghèo ở miền núi phía Bắc còn cao, chiếm 19,8%, cao gấp 2,6 lần so với Đồng bằng sông Hồng. Sự chênh lệch về tỷ lệ hộ đói nghèo giữa các dân tộc cũng rất lớn. Trong khi có dân tộc tỷ lệ đói nghèo chỉ 4,4%, thì lại có dân tộc tỷ lệ này lên đến 93,7%, chênh lệch hơn 21 lần. Một kết quả khảo sát năm 1999 ở 66 điểm với 3.974 hộ cho thấy : Nếu số hộ giàu ở đồng bằng chiếm 10,25% thì số hộ giàu ở khu vực 1 miền núi chiếm 3,8%, khu vực 2 miền núi 0,5%, còn ở khu vực 3 miền núi mới có 0,07% trong 20 dân tộc khảo sát, thì 15 dân tộc không có hộ giàu, 6 dân tộc không có cả hộ giàu và hộ khá, chỉ có trung bình và nghèo đói⁽⁸⁾.

Với điều kiện kinh tế như vậy dù có sự bao cấp của Nhà nước (thông qua các chính sách hiện hành), thì việc đi học chuyên nghiệp của con em đồng bào các dân tộc, nhất là dân tộc ít người ở miền núi, vùng cao cũng không ít khó khăn.

Về văn hoá - xã hội : Khu vực 10 tỉnh miền núi phía Bắc nêu trên có 30 dân tộc anh em chung sống (xem phụ lục 3). Sắc thái văn hoá của các dân tộc rất đa dạng, phong phú, nhưng phong tục, tập quán lạc hậu cũng còn nhiều. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi chưa đi học tới 16,8%, có nơi như Lai Châu tới 29,9%. Tỷ lệ người mù chữ và không biết tiếng phổ thông còn cao, có nơi như huyện Mường Chải (Yên Bái) lên đến 70%⁽⁹⁾

1.2- Những đặc điểm của hoạt động kinh doanh thương mại ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số phía Bắc.

Hoạt động kinh doanh thương mại ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số phía Bắc có những đặc điểm sau :

- Hoạt động thương mại được tiến hành trên địa bàn miền núi, vùng cao, có nhiều khó khăn, phải có những phương tiện thích hợp, khả năng gặp rủi ro lớn, chi phí kinh doanh cao.

- Thị trường hàng hoá, dịch vụ mới bắt đầu phát triển ở các thành phố, thị xã, thị trấn miền núi. Còn ở nông thôn miền núi, sản xuất hàng hoá chưa phát triển. Điều này cũng có nghĩa là nguồn hàng nông - lâm sản thường nhỏ và phân tán, sức mua hàng công nghệ phẩm thấp và không tập trung.

- Nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc có tính đặc thù, làm cho mặt hàng kinh doanh (tên hàng, chủng loại, kiểu dáng, màu sắc...) ở miền núi có khác so với miền xuôi.

- Đồng bào các dân tộc thiểu số thường sống phân tán, có phong tục tập quán (kể cả tập quán mua sắm, tiêu dùng) riêng, nên hoạt động thương mại phải chú trọng các hình thức bán hàng lưu động, phân tán, mua bán qua đại lý, hội chợ, chợ phiên, kết hợp bán với mua, mua bán hàng hoá với giải thích tuyên truyền, vận động vv... Ở một số địa phương và với một số dân tộc ít người còn phải dùng phương thức hàng đổi hàng.

- Về tâm lý, khi mua bán hàng hoá, đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn tin tưởng vào thương mại quốc doanh và hợp tác xã mua bán hơn tư thương. Đặc biệt, thông qua tín hiệu ngôn ngữ và những tín hiệu khác, họ rất dễ gần gũi, thân mật và tin tưởng vào những cán bộ, nhân viên là người cùng dân tộc.

Những đặc điểm về ngành nghề - hoạt động kinh doanh thương mại nêu trên chẳng những chi phối nội dung giáo dục đào tạo, mà còn ảnh hưởng tới việc tổ chức đào tạo, nhất là việc lựa chọn đối tượng tuyển sinh để đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại cho các trung tâm thương mại cụm xã thuộc khu vực.

1.3- Đặc điểm tâm lý của đối tượng đào tạo.

Đối tượng đào tạo cán bộ, nhân viên thương mại, dịch vụ người địa phương cho các Trung tâm thương mại cụm xã miền núi, vùng cao phía Bắc, ngoài một số ít cán bộ trong ngành đi học, chủ yếu là học sinh phổ thông và có thể phân thành 2 loại : Kinh miền núi và dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu cho thấy hai loại này vừa không đồng đều về nhận thức ban đầu, vừa có sự khác biệt về đặc điểm tâm lý. Cụ thể :

Học sinh là người kinh ở miền núi tiếp thu nhanh, có kiến thức xã hội nhất định, có khả năng tư duy trừu tượng, phân tích, tổng hợp và khái quát khá, tính toán nhanh, nhạy bén với cái mới ... Đây là những phẩm chất thuận lợi cho quá trình đào tạo. Tuy nhiên, để trở thành cán bộ thương mại ở miền núi, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, các em có những hạn chế như không thạo tiếng các dân tộc thiểu số và các phong tục, tập quán của họ, nên gặp khó khăn trong giao tiếp và hạn chế kết quả công tác sau này. Mặt khác, các em thường có xu hướng chuyển vùng về xuôi theo gia đình.

Học sinh là người các dân tộc thiểu số

- Về ngôn ngữ : Nhìn chung, vốn tiếng phổ thông còn nghèo, diễn đạt, trình bày (nói và viết) khó khăn.

- Về tư duy : Tính linh hoạt, khả năng độc lập tư duy, phân tích, tổng hợp hạn chế. Tư duy trực quan, hình ảnh tốt hơn tư duy trừu tượng - lô gíc.